TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Lệ Thanh**.
2. Ông **Hoàng Văn Đông**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Hữu Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Nam M** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 43/23 đường số 1, KP Ông Nhiêu, phường L, quận , thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Anh **Kiều Mạnh T** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu dân cư 3, ấp 5, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2018; bản tự khai ngày 06/04/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 17/04/2018 và ngày 02/05/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Nam M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 07/02/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Thành có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho cuộc sống của vợ con, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống, gia đình không thuận hòa. Chị đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng không thành. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Kiều Mạnh T.

Về con chung: Chị và anh T có con chung Kiều Mỹ D sinh ngày 07/8/2005 và Kiều Hoàng T sinh ngày 23/11/2007. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Mạnh T: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Nam M. Cho chị M được ly hôn với anh Kiều Mạnh T.

2) Về con chung: Giao cháu Kiều Mỹ D - sinh ngày 07/8/2005 và cháu Kiều Hoàng T - sinh ngày 23/11/2007 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trần Thị Nam M chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Kiều Mạnh T hiện cư trú tại ấp 5, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị M yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trần Thị Nam M là nguyên đơn; anh Kiều Mạnh T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Kiều Mạnh T nhưng anh T vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Thành và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 07/02/2003. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị M và anh T hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị M, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị M và anh T 02 con chung tên Kiều Mỹ D sinh ngày 07/8/2005 và Kiều Hoàng T sinh ngày 23/11/2007. Qua kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ở địa phương và tài liệu, chứng cứ chị M cung cấp thể hiện trong thời gian ly thân 10 năm chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, hiện nay chị M đang làm nhân viên tại Công ty TNHH V với thu nhập 18.000.000đ/tháng. Đồng thời cháu D và cháu T đều có nguyện vọng được sống chung với chị M. Xét thấy chị M đủ điều kiện để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Nam M chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Nam M. Chị Trần Thị Nam M được ly hôn với anh Kiều Mạnh T.

2) Về con chung: Giao cháu Kiều Mỹ D - sinh ngày 07/8/2005 và cháu Kiều Hoàng T - sinh ngày 23/11/2007 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trần Thị Nam M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 004727 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị Nam M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Kiều Mạnh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã G.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn